Trường: THPT Đỗ Đăng Tuyển
Giáo viên soạn: Lâm Thị Hương
Ngày soạn: 20/10/2026
Lớp dạy: 10/12
Thời gian thực hiện: Tuần học 8

ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 – ICT
Môn: Tin học – Lớp: 10
Thời gian thực hiện: 1 tiết – Tiết 15

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Ôn tập những kiến thức đã học trong các bài: 1, 2,7, 8, 9, 10, 11.

Nhận biết:
- Khái niệm thông tin, dữ liệu;
- Biết các bước của quá trình xử lí thông tin.
- Nhận biết thiết bị số.

Thông hiểu:
- Phân biệt được thông tin và dữ liệu.
- Hiểu cách chuyển đổi giữa các đơn vị.
- Hiểu ưu việt của thiết bị số.

Vận dụng:
- Cách tìm dung lượng lưu trữ cho 1 lượng dữ liệu cho trước.
- Các bước của quá trình xử lí thông tin.

Nhận biết:
- Biết được một số thiết bị thông minh thông dụng.
- Biết các mốc thời gian xảy ra các cuộc cách mạng công nghiệp.
- Biết các thành tựu nổi bậc của ngành Tin học.
- Biết đặc điểm của các thiết bị thông minh.

Nhận biết:
- Biết khái niệm và tên gọi khác của trợ thủ số cá nhân.
- Biết được một số tính năng tiêu biểu của thiết bị số cá nhân thông dụng.

Thông hiểu:
- Hiểu được các hệ điều hành được sử dụng trên thiết bị số cá nhân, giao diện của chúng, các thao thác cơ bản.

Vận dụng
- Khai thác một số chức năng của thiết bị bị thông minh.

Nhận biết:
- Biết được phạm vi sử dụng của mạng LAN, Internet.
- Biết các thiết bị mạng sửa dụng trong mạng LAN, Internet.

Thông hiểu:
- Hiểu được sự khác biệt giữa mạng LAN và Internet.
- Hiểu cách kết nối các thiết bị trong mạng LAN và Internet.
- Hiểu được các loại dịch vụ đám mây cơ bản.

Vận dụng:
- So sánh được cách kết nối của mạng LAN và Internet.

Nhận biết:
- Biết cách bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- Biết các phần mềm độc hại có khả năng lây nhiễm.
- Biết các biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân.
- Biết một số biện pháp phòng chống hành vi bắt nạt qua mạng.

Thông hiểu:
- Hiểu các loại phần mềm độc hại.
- Hiểu các việc có thể làm và không thể làm khi tham gia trên không gian mạng.
- Hiểu cơ chế hoạt động của virus, worm và trojan.

Vận dụng:
- Áp dụng được các biện pháp phòng chống hành vi bắt nạt qua mạng.
- Vận dụng được cách phòng chống phần mềm độc hại.

Vận dụng:
- Khai thác được một số dịch vụ và tài nguyên trên internet.

Nhận biết:
- Biết quyền tác giả.
- Biết các hành vi vi phạm về đạo đức, pháp luật và văn hoá khi sử dụng mạng.

Thông hiểu:
- Hiểu các vấn đề cần quan tâm khi giao tiếp trên mạng để không bị vi phạm đạo đức và pháp luật.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý của GV để trả lời các câu hỏi.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc theo nhóm để giải quyết những yêu cầu của GV.
- Năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề: HS trả lời các câu hỏi của GV và bổ sung, đưa ra một số ví dụ minh chứng liên quan đến nội dung bài học.

2.2. Năng lực chuyên môn:

- Năng lực Tin học;

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm, sẵn sàng chia sẻ sản phẩm của mình cho các bạn góp ý, đánh giá và tham khảo.
- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong quá trình học tập và làm việc nhóm; lên án sự gian lận của các nhóm (nếu có).
- Trách nhiệm: Có tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ, hoàn thành báo cáo để đưa ra kết quả.
- Chăm chỉ: Chăm học hỏi, có tinh thần tự học; nhiệt tình, năng nổ trong hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy tính, tivi (máy chiếu), bảng phụ (nếu có)
2. **Học liệu:**

- Học sinh: SGK Tin học 10, SBT Tin học 10.
- Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ (phiếu học tập), phiếu đánh giá kết quả thực hiện của nhóm và một số tài liệu có liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a. Mục tiêu: Giúp HS biết được tổng quát nội dung và hình thức đề thi HKI

b. Nội dung: GV đưa ra ma trận và bảng đặc tả đề kiểm tra giữa kì I.

c. Sản phẩm: HS nắm cấu trúc đề thi, các bài học cần ôn tập thi

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giao nhiệm vụ:**

GV đưa ra ma trận và bảng đặc tả đề kiểm tra giữa kì I như sau:

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % (điểm)
			TNKQ Nhiều LC			TNKQ Đúng-Sai			TỰ LUẬN						
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	CHỦ ĐỀ 1. MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC	§1. Thông tin và xử lý thông tin.	3 (1,2,3)			1 (1a)	2 (1b,1c)	1 (1d)			ES1	4	2	5	27,5% (2.75đ)
		§2. Vai trò của thiết bị thông minh và tin học đối với xã hội	3 (4,5,6)									3			7,5% (0.75đ)
		§7. Thực hành sử dụng thiết bị số thông dụng				1 (2a)	2 (2b,2c)	1 (2d)				1	2	1	10% (1đ)
2	CHỦ ĐỀ 2. MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET	§8. Mạng máy tính trong cuộc sống hiện đại		2 (7,8)		1 (3a)	2 (3b,3c)	1 (3d)				1	4	1	15% (1.5đ)
		§9. An toàn trên không gian mạng	2 (9,10)	1 (11)		1 (4a)	2 (4b,4c)	1 (4d)				3	3	1	17,5% (1.75đ)
		§10. Thực hành khai thác tài nguyên trên Internet									ES2			4	10% (1đ)
3	CHỦ ĐỀ 3. ĐẠO ĐỨC PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ	§11. Ứng xử trên môi trường số. Nghĩa vụ tôn trọng bản quyền.		**1 (12)**					ES3			4	1		12,5% (1.25đ)
Tổng số lệnh hỏi			**8**	**4**	**0**	**4**	**8**	**4**	**4**	**0**	**8**	**16**	**12**	**12**	**40**
Tổng số điểm			**2.0**	**1.0**	**0**	**2.0**	**1.0**	**1.0**	**1.0**	**0**	**2.0**	**4.0**	**3.0**	**3.0**	**10**
Tỉ lệ %			**30**			**40**			**30**			**40**	**30**	**30**	**100**

Yêu cầu học sinh nhìn bảng đặc tả ma trận đề, giáo viên giải thích chi tiết về cấu trúc đề thi: Cấu trúc đề thi gồm 2 phần:

Phần 1: Trắc nghiệm (7 điểm): gồm dạng D1: 12 câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn và 4 câu dạng D2.

Phần 2: Tự Luận (3 điểm): Gồm 3 câu hỏi tự luận.

◆ **Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát lắng nghe giáo viên hướng dẫn ôn tập,.

◆ **Báo cáo, thảo luận:** HS thảo luận, cần nắm và những nội dung cần ôn tập và cấu trúc đề để kiểm tra

◆ **Kết luận, nhận định:** GV nhấn mạnh lại cấu trúc đề thi và dẫn dắt học sinh ôn tập.

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Bài 1: Thông tin và xử lí thông tin (7 phút)

a. Mục tiêu: Ôn lại khái niệm thông tin và dữ liệu. Phân biệt dữ liệu và thông tin

b. Nội dung: GV giao Phiếu học tập số 1 và yêu cầu HS làm việc theo nhóm.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 1).

d. Tổ chức thực hiện:

◆ **Giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm (các nhóm đề cử 1 nhóm trưởng,1 thư ký).

- GV phát Phiếu học tập số 1 cho các nhóm và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 1 trong thời gian là 5 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Câu 1: Thiết bị số là thiết bị

A. có thể thực hiện được các phép tính số học.
B. chỉ xử lí thông tin như sóng âm.
C. thu và phát sóng hồng ngoại.
D. lưu trữ, truyền và xử lí thông tin số.

Câu 2: Định nghĩa nào về byte là đúng?

A. Là lượng tin đủ mã hoá một chữ trong bảng chữ cái.
B. Là một đơn vị lưu trữ dữ liệu 8 bít.
C. Là một đơn vị nhỏ nhất để đo lượng thông tin.
D. Là một kí tự.

Câu 3: Chọn khẳng định ĐÚNG?

A. 1MB= 1024Byte **B.** 1Byte = 1024 Bit **C.** 1KB = 1024MB **D.** 1GB = 1024MB

Câu 4: Văn bản, số, hình ảnh, âm thanh, đã lưu trong máy tính được gọi chung là
A. Lệnh. B. Chỉ dẫn. C. Thông tin. D. Dữ liệu.
Câu 5: Các đơn vị đo dữ liệu hơn kém nhau bao nhiêu lần?
A. 1024 lần. B. 1204 lần. C. 2014 lần. D. 2104 lần.
Câu 6: Phát biểu nào sau đây là sai về thông tin?
A. Có thể đồng nhất thông tin với dữ liệu.
B. Thông tin có nhiều cách thể hiện dữ liệu khác nhau.
C. Dữ liệu có thể thể hiện nhiều thông tin khác nhau.
D. Thông tin có tính toàn vẹn, nếu không đủ dữ liệu có thể làm thông tin bị hiểu sai.
Câu 7: Thiết bị số là
A. thiết bị có thể thực hiện được các phép tính số học.
B. thiết bị có thể xử lí thông tin.
C. máy tính điện tử.
D. thiết bị lưu trữ, truyền và xử lí dữ liệu số.
Câu 8: Phát biểu nào sau đây *KHÔNG PHẢI* là ưu điểm của thiết bị số?
A. Giúp xử lí thông tin rất nhanh với độ chính xác cao và có thể làm việc liên tục.
B. Có khả năng lưu trữ dữ liệu với dung lượng lớn, giá thành rẻ.
C. Có khả năng truyền tin với tốc độ rất lớn.
D. Thực hiện việc tìm kiếm thông tin chậm, đòi hỏi nhiều thao tác.
Câu 9: Thiết bị nào sau đây là thiết bị số?
A. Lò vi sóng. B. Điện thoại bàn. C. Robot lau nhà. D. Máy tính bỏ túi.
Câu 10: Em hãy cho biết đâu không phải là dữ liệu ?
A. các dòng chữ trên SGK Tin Học. B. Bài giảng điện tử.
C. Giáo án Word. D. Giáo viên đang đứng giảng bài.

◆ **Thực hiện nhiệm vụ:**
- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

◆ **Báo cáo, thảo luận:**
- Các nhóm nộp lại Phiếu học tập số 1.
- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 2 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

◆ **Kết luận, nhận định:**
- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.

2.2. Bài 2: vai trò của thiết bị thông minh và tin học đối với xã hội

a. Mục tiêu:
- Biết được một số thiết bị thông minh thông dụng và vai trò của thiết bị thông minh trong xã hội, cuộc cách mạng CN làn thứ 4
- Phân biệt thiết bị thông minh và thiết bị điện tử thông thường
- Phân biệt phần cứng và phần mềm
- Thực hiện phân loại được các loại phần mềm

b. Nội dung: GV giao Phiếu học tập số 2 và yêu cầu HS làm việc theo nhóm.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 2).

d. Tổ chức thực hiện:

◆ **Giao nhiệm vụ:**

GV phát Phiếu học tập số 2 cho các nhóm đã phân công và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 2 trong thời gian là 7 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Câu 1 (NB): Trong các thiết bị sau đây, thiết bị nào là thiết bị thông minh?

A. Máy tính bỏ túi B. Máy tính bàn có gắn cảm biến.
C. Máy fax truyền tài liệu qua đường điện thoại. D. Robot lau nhà điều khiển qua Internet.

Câu 2 (NB) Cách mạng Công nghiệp 4.0 bắt đầu diễn ra vào lúc nào ?
A. Cuối thế kỷ XVIII – Đầu thế kỷ XIX B. Cuối thế kỷ XIX – Đầu thế kỷ XX
C. Cuối thế kỷ XX – Đầu thế kỷ XXI D. Đầu thế kỷ XXI

Câu 3 (TH): Đâu không phải là thiết bị thông minh?
A. Điện thoại thông minh B. Camera kết nối Internet
C. Đồng hồ vạn niên D. Máy tính bảng

Câu 4 (TH): Em hãy cho biết loại nào sau đây là phần mềm máy tính:
A. Tiktok B. Ổ cứng C. Chuột D. Máy in

Câu 5: Điện thoại thông minh được kết nối với Internet bằng cách nào?
A. Qua dịch vụ 3G, 4G, 5G. B. Kết nối gián tiếp qua wifi.
C. Chỉ kết nối trực tiếp qua wifi. D. Qua wifi, dịch vụ 3G, 4G, 5G.

Câu 6: Trong các thiết bị sau thiết bị nào là thiết bị thông minh.
A. camera kết nối Internet B. máy ảnh số.
C. Máy tính cầm tay. D. đồng hồ lịch vạn niên

◆ **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

◆ **Báo cáo, thảo luận:**

- Các nhóm nộp lại Phiếu học tập số 2.
- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 3 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

◆ **Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.

2.3. Bài 8: Mạng máy tính trong cuộc sống hiện đại và Bài 9: An toàn trên không gian mạng (7 phút)

a. Mục tiêu:

- Biết được mạng LAN và Internet
- Hiểu được sự khác biệt giữa mạng LAN và Internet
- Trình bày được những thay đổi về chất lượng cuộc sống, phương thức học tập và làm việc trong xã hội khi mạng máy tính được sử dụng rộng rãi
- Nêu được một số công nghệ dựa trên Internet.
- Nêu được nhưng nguy cơ và tác hại khi tham gia các hoạt động trên internet một cách thiếu hiểu biết và bất cẩn. Một số cách để phòng chống những tác hại.
- Biết được một số cách phòng vệ khi bị bắt nạt trên mạng. Biết cách bảo vệ cá nhân.
- Trình bày được sơ lược về các phần mềm xấu (mã độc). Biết sử dụng một số công cụ để phòng chống phần mềm xấu.

b. Nội dung:

- GV nhắc lại một số kiến thức đã học về mạng Lan, Internet, vai trò của Internet, một số nguy cơ trên mạng, phần mềm độc hại...
- GV phát Phiếu học tập số 3 và yêu cầu các nhóm thảo luận.

c. Sản phẩm: HS trả lời được những câu hỏi GV đưa ra và kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 3).

d. Tổ chức thực hiện:

◆ **Giao nhiệm vụ:**

GV phát Phiếu học tập số 3 cho các nhóm đã phân công và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 3 trong thời gian là 8 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Câu 1: Điện thoại thông minh được kết nối với Internet bằng cách nào?
A. Qua dịch vụ 3G, 4G, 5G. B. Kết nối gián tiếp qua wifi.
C. Chỉ kết nối trực tiếp qua wifi. D. Qua wifi, dịch vụ 3G, 4G, 5G.
Câu 2: Phạm vi sử dụng của Internet là
A. chỉ trong gia đình. B. chỉ trong một cơ quan. C. trong một đất nước. D. toàn cầu.
Câu 3: Internet thuộc loại mạng gì?
A. Mạng cục bộ (LAN) B. Mạng diện rộng (WAN)
C. Mạng không dây (WN - Wireless Network)
D. Mạng khu vực ảo (VAN - Virtual Area Network)
Câu 4: Mạng Internet do ai sở hữu?
A. Cá nhân nào đó. B. Tổ chức nào đó.
C. Một nước nào đó. D. Không có ai sở hữu.
Câu 5: Khẳng định nào sau đây là ĐÚNG.
A. LAN là mạng mà các máy tính được kết nối bằng cách dùng sóng trong phạm vi cả nước.
B. Mạng LAN là mạng kết nối các máy tính trong một văn phòng.
C. Các máy tính trong mạng LAN có thể đặt cách xa nhau hàng chục kilomet.
D. Mạng WAN là mạng kết nối các máy tính trong một văn phòng.
Câu 6: Các mạng LAN có thể kết nối với nhau thông qua thiết bị nào?
A. Switch. B. HUB. C. Router. D. Không có
Câu 7: Thiết bị nào được sử dụng để kết nối máy tính với máy tính hoặc với máy chủ khác qua mạng LAN?
A. Hub/Switch. B. Router. C. ZALO. D. Modem.
Câu 8: Đặc điểm nào sau đây **KHÔNG** phải là ưu điểm của điện toán đám mây?
A. Giảm chi phí B. Linh hoạt hơn **C.** Tăng lao động D. An toàn dữ liệu
Câu 9: Đâu không phải là loại hình dịch vụ của điện toán đám mây?
A. SaaS B. PaaS C. IaaS **D.** EaaS
Câu 10: Dịch vụ nào KHÔNG PHẢI là dịch vụ điện toán đám mây?
A. Đặt xe taxi Uber. B. Bán hàng qua mạng Shopees.
C. Dịch vụ thư điện tử Web – mail. D. Gọi điện thoại qua số điện thoại.
Câu 11: Phương án nào sau đây nêu đúng các thành phần của một Mật khẩu mạnh?
A. Các chữ số B. Các chữ cái thường
D. Các chữ cái hoa **D.** Chữ hoa, chữ thường, chữ số, ký tự đặc biệt
Câu 12: Công cụ nào sau đây thực hiện bảo vệ mạng Internet?
A. Máy tính B. Dây cáp mạng **C.** Tường lửa D. Phần mềm soạn thảo

◆ **Thực hiện nhiệm vụ:**
- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

◆ **Báo cáo, thảo luận:**
- Các nhóm nộp lại Phiếu học tập số 3.
- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 2 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

◆ **Kết luận, nhận định:**
- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.

2.4. Bài 7 + 10. Thực hành sử dụng thiết bị số thông dụng + khai thác tài nguyên trên Internet (7 phút)

a. Mục tiêu:
- Vận dụng: Khai thác được một số dịch vụ và tài nguyên trên internet, khai thác một số chức năng của thiết bị bị thông minh.

b. Nội dung: GV phát Phiếu học tập số 4.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 4).

d. Tổ chức thực hiện:

◆ **Giao nhiệm vụ:**

- GV phát Phiếu học tập số 4 cho các nhóm đã phân công và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 4 trong thời gian là 5 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Câu 1: Em hãy trình bày cách sử dụng công cụ google Translate để học ngoại ngữ bằng cách nhập trực tiếp văn bản và bằng giọng nói.
Câu 2: Khai thác một số chức năng của thiết bị bị thông minh.

◆ **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

◆ **Báo cáo, thảo luận:**

- Các nhóm nộp lại Phiếu học tập số 4.
- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 3 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

◆ **Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.

3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (5 phút)

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố, ôn tập lại các kiến thức đã ôn tập.

b. Nội dung: GV phát phiếu bài tập trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Kết quả làm bài trắc nghiệm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

◆ **Giao nhiệm vụ:** GV bắt đầu giao phiếu bài tập trắc nghiệm

◆ **Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm bài tập trắc nghiệm cô giao

◆ **Báo cáo, thảo luận:** HS nộp bài cho GV

◆ **Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét kết quả làm bài tập TN của HS

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Câu 1: (BÀI 1) Hoa cùng nhóm bạn cùng nhau tìm hiểu về các đơn vị lưu trữ dữ liệu trong máy tính.
Có một số ý kiến đưa ra như sau:
a) Byte là đơn vị dữ liệu nhỏ nhất mà máy tính truy cập được và một byte gồm có 8 bit. **(ĐÚNG - BIẾT)**
b) Các đơn vị đo dữ liệu trong máy tính hơn kém nhau 100 lần. **(SAI - BIẾT)**
c) Dung lượng 3 MB đổi ra đơn vị KB sẽ bằng 3072 KB. **(ĐÚNG - VDC)**
d) Đơn vị Terabyte (TB) có giá trị lớn hơn đơn vị Petabyte (PB). **(SAI - HIỂU)**
BÀI 7 Câu 2: Trong một tiết Tin học, các bạn học sinh trong lớp thảo luận về khái niệm trợ thủ số cá nhân (PDA) và các đặc điểm của chúng.
Có một số ý kiến đưa ra như sau:
a) Trợ thủ số cá nhân (PDA) là các thiết bị số tích hợp nhiều chức năng hữu ích với đặc điểm quan trọng là nhỏ gọn và có khả năng kết nối mạng. **(ĐÚNG - BIẾT)**
b) Phần lớn các thiết bị điện thoại di động và máy tính bảng hiện nay đều chạy trên hệ điều hành iOS của hãng Google và Android của hãng Apple. **(SAI - HIỂU)**
c) Kết nối hồng ngoại là một trong những kết nối phổ biến nhất trên các PDA hiện đại ngày nay. **(SAI - BIẾT)**
d) Điện thoại thông minh, máy tính bảng, đồng hồ thông minh và máy đọc sách đều thuộc nhóm các trợ thủ số cá nhân phổ biến. **(ĐÚNG - VDC)**
BÀI 8: Câu 3: Trong tiết học Tin học, học sinh trong lớp thảo luận về công nghệ kết nối vạn vật (IoT) và ứng dụng thực tế trong cuộc sống hiện đại.
Có một số ý kiến đưa ra như sau:

a) IoT là hệ thống liên mạng bao gồm các thiết bị thông minh được cài đặt cảm biến và phần mềm để tự động kết nối, thu thập, trao đổi dữ liệu qua mạng. **(ĐÚNG - BIẾT)**
b) Hệ thống thu phí không dừng trên đường cao tốc sử dụng thẻ RFID gắn trên kính ô tô là một ứng dụng tiêu biểu của công nghệ IoT. **(ĐÚNG - HIỂU)**
c) Trong một mạng IoT, các thiết bị thông minh bắt buộc phải kết nối với nhau hoàn toàn thủ công qua sự tương tác trực tiếp của con người. **(SAI - HIỂU)**
d) Công nghệ IoT giúp thu thập dữ liệu trên diện rộng, hoạt động liên tục trong các điều kiện bất lợi và mang lại nhiều tiện nghi cho mô hình nhà thông minh. **(ĐÚNG - VDC)**
BÀI 9: Câu 4: Trong giờ thực hành môn Tin học, khi thầy giáo đặt câu hỏi: "Tại sao máy tính cá nhân dù không cắm USB lạ vẫn có thể bị nhiễm mã độc". Các em học sinh đã tìm hiểu và thảo luận với nhau để giải quyết vấn đề trên.
Có một số ý kiến đưa ra như sau:
a) Tất cả các loại phần mềm độc hại đều bắt buộc phải có cơ chế lây nhiễm mạnh mẽ từ máy này sang máy khác giống như virus. **(SAI - BIẾT)**
b) Virus không phải là các phần mềm hoàn chỉnh, chúng chỉ là các đoạn mã độc phải gắn với một phần mềm mới có thể phát tác và lây lan. **(ĐÚNG - HIỂU)**
c) Sâu máy tính (Worm) là một phần mềm hoàn chỉnh, thường lợi dụng các lỗ hổng bảo mật hoặc lừa người dùng cài đặt để lây lan. **(ĐÚNG - HIỂU)**
d) Trojan là phần mềm nội gián chuyên dùng để lây lan quy mô lớn và tập trung vào việc tự nhân bản tệp tin thay vì ăn cắp thông tin hay chiếm quyền máy tính. **(SAI - VẬN DỤNG)**

4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG (2 phút)

a. Mục tiêu: HS vận dụng được những kiến thức đã ôn tập để làm bài thi GK1.

b. Nội dung:

- GV bài tự luận cho HS về nhà thực hiện.
- GV đánh giá chung kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm trong suốt quá trình học

c. Sản phẩm: Kết quả làm bài tập về nhà trong vở của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

◆ **Giao nhiệm vụ:** GV bài tự luận cho HS

Giả sử để số hóa một cuốn sách kể cả văn bản và hình ảnh cần khối lượng dữ liệu khoảng 50 MB. Thư viện của một trường có khoảng 2000 cuốn sách. Nếu số hóa thì cần khoảng bao nhiêu GB để lưu trữ. Có thể chứa nội dung đó trong thẻ nhớ 256 GB hay không.

◆ **Thực hiện nhiệm vụ:** HS về nhà làm bài tập GV giao.

◆ **Báo cáo, thảo luận:** Tiết học sau, HS sẽ nộp vở lại để GV kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS (GV gọi ngẫu nhiên 2 HS).

◆ **Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của những HS được gọi kiểm tra vở (tiết học sau).